

**THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN CỦA
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC**

1. Thông tin tổ chức phát hành

- Tên tổ chức phát hành : **Công ty Cổ phần Traenco**
- Địa chỉ : Số 46 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Vốn điều lệ hiện tại : 16.603.400.000 đồng (Mười sáu tỷ, sáu trăm linh ba triệu, bốn trăm ngàn đồng)
- Tổng số cổ phần đang lưu hành : 1.660.340 cổ phần
- Mệnh giá một cổ phần : 10.000 đồng
- Ngành nghề kinh doanh : Xây dựng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, kết cấu bê tông đúc sẵn; Tư vấn đầu tư và xây dựng (Không bao gồm tư vấn pháp luật); Thiết kế các công trình giao thông (cầu, đường bộ); Tư vấn thí nghiệm vật liệu và chất lượng công trình; Xuất khẩu lao động, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp xuất khẩu lao động; Đào tạo ngoại ngữ, đào tạo các loại nghề (không bao gồm những ngành nghề có điều kiện), bổ túc nâng cao trình độ kỹ năng nghề, bồi dưỡng nghiệp vụ, giáo dục định hướng cho người lao động đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài; Đào tạo trình độ cao đẳng, đại học (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); Và các ngành nghề kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty.

2. Thông tin về đợt chào bán

- Tên tổ chức chào bán cổ phần : **Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước**
- Tên cổ phần chào bán : Công ty Cổ phần TRAENCO
- Loại cổ phần chào bán : Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng.
- Tổng số lượng cổ phần chào bán : 321.638 cổ phần (chiếm 19,37% vốn điều lệ thực góp).

MỤC LỤC

| | | |
|------|---|----|
| I. | CĂN CỨ PHÁP LÝ | 6 |
| II. | CÁC NHÂN TỐ RỦI RO | 7 |
| 1. | Rủi ro kinh tế..... | 7 |
| 2. | Rủi ro luật pháp..... | 9 |
| 3. | Rủi ro đặc thù ngành..... | 10 |
| 4. | Rủi ro của đợt chào bán | 12 |
| 5. | Rủi ro khác | 12 |
| III. | NHỮNG TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN..... | 12 |
| 1. | Tổ chức chào bán cổ phần/ Chủ sở hữu vốn chuyển nhượng | 12 |
| 2. | Tổ chức phát hành/ Tổ chức có vốn nhà nước được chuyển nhượng..... | 12 |
| 3. | Tổ chức tư vấn chào bán | 13 |
| IV. | CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT | 14 |
| V. | GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG | 15 |
| 1. | Tên chủ sở hữu vốn chuyển nhượng..... | 15 |
| 2. | Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển | 15 |
| 3. | Mối quan hệ với Công ty có cổ phần được chào bán..... | 16 |
| 4. | Số cổ phần sở hữu..... | 16 |
| VI. | TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CÓ VỐN NHÀ NƯỚC CHUYỂN NHƯỢNG | 16 |
| 1. | Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển | 16 |
| 3. | Cơ cấu cổ đông..... | 27 |
| 4. | Danh sách cổ đông sở hữu từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty | 28 |
| 5. | Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty, những công ty mà Công ty đang giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối với Công ty:..... | 28 |
| 6. | Vị Thế của Công ty so với doanh nghiệp khác trong ngành. | 28 |
| 7. | Chính sách lao động | 29 |

| | |
|--|----|
| 8. Báo cáo kết quả hoạt động của 02 năm gần nhất | 32 |
| 9. Tình hình tài chính | 34 |
| 10. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát | 39 |
| 11. Kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty | 46 |
| 12. Công ty đang sử dụng và quản lý những mảnh đất sau | 48 |
| 13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty: Không có | 49 |
| 14. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng vốn: Không có | 49 |
| VII. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN | 49 |
| VIII. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN | 51 |
| IX. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN..... | 52 |
| X. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG..... | 52 |
| XI. THAY LỜI KẾT | 52 |

NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006; Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 24/11/2010;
- Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư và sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) và Nghị định số 147/2017/NĐ-CP ngày 25/12/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ;
- Nghị định số 148/2017/NĐ-CP ngày 25/12/2017 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động SCIC;
- Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
- Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015;
- Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
- Thông tư số 59/2018/TT-BTC ngày 16/7/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
- Quyết định số 1001/QĐ-TTg ngày 10/07/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Phương án sắp xếp, Phân loại doanh nghiệp của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước đến năm 2020;
- Hợp đồng dịch vụ tư vấn chuyển nhượng vốn số 01/SCIC-BOS ngày 14/05/2020 giữa Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước và Công ty Cổ phần chứng khoán BOS.
- Quyết định số 460/QĐ-ĐTKDV ngày 30/11/2020 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) về việc phê duyệt phương án bán cổ phần của SCIC tại Công ty Cổ phần Traenco;

- Quyết định số **468**/QĐ-DTKDV ngày **13** tháng 12 năm 2020 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) phê duyệt giá khởi điểm để bán cổ phần của SCIC tại Công ty cổ phần Traenco

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

Những biến động của các chỉ số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các chỉ số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Theo số liệu công bố của Tổng cục Thống kê, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2019 đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02%, vượt mục tiêu Quốc hội đề ra từ 6,6-6,8%.

Quy mô nền kinh tế ngày càng được mở rộng nhờ tốc độ tăng trưởng khá. Theo báo cáo, trong mức tăng chung 7,02% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,01% đóng góp 4,6% vào mức tăng chung. Trong khi đó, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,90%, đóng góp 50,4%; khu vực dịch vụ tăng 7,3% đóng góp 45%. Về cơ cấu kinh tế năm 2019, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 13,96% GDP; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 34,49%; khu vực dịch vụ chiếm 41,64%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,91%. Đáng chú ý, năng suất lao động của toàn nền kinh tế theo giá hiện hành năm 2019 ước tính đạt 110,4 triệu đồng/lao động (tương đương 4.791 USD/lao động, tăng 272 USD so với năm 2018). Theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 6,2% do lực lượng lao động được bổ sung và số lao động có việc làm năm 2019 tăng cao.

Tuy nhiên sự xuất hiện và diễn biến phức tạp của Đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tăng trưởng GDP toàn cầu nói chung và GDP Việt Nam nói riêng. Đại dịch COVID-19 đã làm ngưng trệ, gián đoạn rất nhiều hoạt động sản xuất, kinh tế và hoạt động xã hội tại nhiều nền kinh tế trên thế giới, các chỉ số cơ bản của kinh tế thế giới đều diễn biến rất xấu: thất nghiệp tăng cao, giá hàng nguyên liệu lao dốc, nhiều tổ chức quốc tế tiếp tục hạ thấp dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2020.

Năm 2020, Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng 6,8%, nhưng so với thời điểm cuối năm 2019, tình hình hiện nay có sự thay đổi rất lớn, khó khăn hơn nhiều và mục tiêu tăng trưởng 6,8% năm 2020 là thách thức lớn và khó đạt được.

Theo Tổng cục Thống kê, dịch COVID-19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới nền kinh tế, khiến tăng trưởng GDP quý I chỉ dừng ở mức 3,82% so với cùng kỳ năm trước, trong bối cảnh dịch COVID-19 đang bùng phát mạnh trên toàn cầu. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 0,08% (đóng góp 0,2% vào mức tăng trưởng chung); khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,15% (đóng góp 58,4%). Trong khu vực công

ng nghiệp và xây dựng, công nghiệp chế biến chế tạo tăng 7,12%, tuy đạt mức không cao nhưng vẫn đóng vai trò là động lực chính của tăng trưởng quý I năm nay. Còn khu vực dịch vụ thì tăng 3,27%, đóng góp 41,4% vào mức tăng chung. Trong đó, các ngành dịch vụ thị trường như bán buôn và bán lẻ tăng 5,69%; hoạt động tài chính ngân hàng và bảo hiểm tăng 7,19%.

Về cơ cấu nền kinh tế quý I/2020, theo Tổng cục Thống kê, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 10,11%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 35,52%; khu vực dịch vụ chiếm 43,71%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 10,66%.

Từ thực trạng kinh tế, xã hội và dự báo tình hình quốc tế, trong nước thời gian tới, Chính phủ đang đề nghị Quốc hội xem xét, điều chỉnh một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2020. Theo đó, dự kiến tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng khoảng 4,5%. Trường hợp tình hình thế giới thuận lợi, dịch bệnh được kiểm soát tốt, thị trường quốc tế hồi phục, phấn đấu đạt mức tăng 5,4%, nhằm mục tiêu tăng trưởng GDP bình quân 5 năm giai đoạn 2016-2020 là 6,5%.

Để đạt được mục tiêu này, Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện quyết liệt các chủ trương, chính sách nhằm cải thiện mạnh mẽ môi trường kinh doanh, nâng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, đảm bảo an sinh xã hội. Chính phủ quyết tâm triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm khởi động lại nền kinh tế, phấn đấu GDP năm 2020 đạt mức tăng trưởng trên 5%, cụ thể là thu hút FDI, đẩy mạnh xuất khẩu, đẩy mạnh đầu tư công, thu hút đầu tư tư nhân, đẩy mạnh tiêu dùng nội địa là 5 mũi đột phá để tăng trưởng, phát triển, vượt qua khó khăn giai đoạn này.

1.2. Lãi suất

Lãi suất là một công cụ quan trọng trong chính sách tiền tệ Ngân hàng nhà nước sử dụng để đạt được các mục tiêu kinh tế trong từng giai đoạn cụ thể. Với đặc thù các doanh nghiệp Việt Nam chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, nhu cầu sử dụng vốn vay rất lớn, việc thay đổi lãi suất ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

Năm 2019, tỷ giá, lãi suất đã trải qua nhiều biến động, phần lớn do các tác động tiêu cực từ thị trường quốc tế. Tuy nhiên, sự ổn định kinh tế vĩ mô trong nước cùng với công tác điều hành tỷ giá thận trọng, linh hoạt của Ngân hàng nhà nước (NHNN) đã phần nào “hóa giải” bớt áp lực mà mang lại thành công ổn định cho thị trường ngoại hối, tỷ giá và lãi suất ở mức hợp lý.

Trong 9 tháng đầu năm 2019, lãi suất huy động liên tục được các ngân hàng đẩy lên cao; đặc biệt tại các ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân nhỏ trước áp lực cơ cấu lại nguồn vốn nhằm đáp ứng các quy định về hệ số an toàn vốn (CAR) theo chuẩn BASEL II và lộ trình giảm tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn của NHNN. Theo đó, tính đến cuối tháng 9, lãi suất huy động tiền gửi tại một số ngân hàng đã tăng lên mức 9%/năm. Đà tăng của lãi suất huy động chỉ bắt đầu hạ nhiệt từ giữa tháng 10, sau khi NHNN phát đi thông báo cắt giảm lãi suất điều hành 0,25 điểm % và Cục dự trữ liên bang Mỹ (Fed) quyết định giảm lãi suất trong cuộc họp chính sách tháng 9. Trong những tháng tiếp theo, mặt bằng lãi suất huy động tiếp tục xu hướng

đi xuống nhất là sau động thái giảm trần lãi suất huy động tiền gửi tại các kỳ hạn ngắn và lãi suất cho vay một số lĩnh vực của NHNN.

Mục tiêu tổng quát của ngành ngân hàng năm 2020 là điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, thận trọng, phối hợp hài hòa với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiềm chế lạm phát bình quân dưới 4%; duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, ổn định thị trường tiền tệ và ngoại hối.

Từ đầu năm 2020 cho tới nay, dịch COVID-19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tất cả các lĩnh vực kinh tế và đời sống xã hội, cụ thể là hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của đa số các doanh nghiệp. Thực hiện Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 31/03/2020, nhiều Ngân hàng thương mại (NHTM) đã công bố giảm lãi suất cho vay từ 0,5%-2,0%/năm so với trước dịch đối với cả khoản vay hiện hữu và vay mới từ 01/04/2020 để hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng của dịch COVID-19, thời hạn áp dụng kéo dài đến 30/09/2020. Như vậy vùng lãi suất cho vay sẽ giảm từ 9-11%/năm xuống khoảng 7-9%/năm, cá biệt một số NHTM áp dụng mức lãi suất cho vay chỉ 4,5-5%/năm với những khách hàng sản xuất các mặt hàng thiết yếu.

1.3. Lạm phát

Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, CPI bình quân cả năm 2019 tăng 2,79% so với năm 2018, Chính phủ đã hoàn thành mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới 4% trong năm 2019.

Sau giai đoạn 2008-2011 tình trạng lạm phát tăng nhanh ở Việt Nam, Chính phủ cũng như Ngân hàng nhà nước đã áp dụng thành công nhiều biện pháp thắt chặt chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa, tái cơ cấu thị trường tài chính, góp phần kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô. Năm 2016 chỉ số CPI bình quân năm đạt 2,66%. Mức tăng CPI bình quân năm 2017 tăng 3,53% so với bình quân năm 2016. CPI bình quân năm 2018 tăng 3,54%. CPI bình quân 2019 tăng 2,79%, là mức tăng thấp nhất trong 3 năm trở lại đây, từ đó tiếp tục tạo thêm dư địa cho công tác điều hành giá, kiểm soát lạm phát cả năm 2020 theo mục tiêu Quốc hội và Chính phủ đề ra.

Mục tiêu tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2020 mà Quốc hội đã thông qua ở mức khoảng 4%. Dù mục tiêu kiểm soát lạm phát thực hiện trong năm 2019 đã thành công, song việc kiểm soát lạm phát năm 2020 vẫn đang hiện hữu nhiều thách thức.

Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, lạm phát cơ bản tháng 4/2020 giảm 0,15% so với tháng 3/2020 và tăng 2,71% so với cùng kỳ năm 2019. Lạm phát bình quân 4 tháng đầu năm 2020 tăng 2,96% so với bình quân cùng kỳ năm 2019.

2. Rủi ro luật pháp

Công ty cổ phần TRAENCO là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và là công ty đại chúng, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế quan và các quy định pháp luật khác của Việt

Nam. Ngoài ra, Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật liên quan đến các lĩnh vực ngành nghề hoạt động hiện nay của Công ty.

Việt Nam hiện là quốc gia đang phát triển, khung pháp lý và luật pháp chưa theo kịp với tốc độ phát triển kinh tế, vẫn đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện. Do vậy, mọi sự thay đổi của pháp luật hiện hành có thể tạo ra những rủi ro về mặt pháp lý cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Công ty thường xuyên cập nhật những thay đổi trong hệ thống luật pháp liên quan đến hoạt động của Công ty, từ đó xây dựng kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp.

3. Rủi ro đặc thù ngành

Hoạt động của Công ty hiện ở hai lĩnh vực chính là xây dựng công trình giao thông và xuất khẩu lao động, Công ty phải chịu một số rủi ro đặc thù của ngành như sau:

Rủi ro trong lĩnh vực xây dựng công trình giao thông

Rủi ro chính sách: Kết quả kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào chính sách đầu tư công cho cơ sở hạ tầng giao thông phụ thuộc vào cơ chế quản lý đầu tư XDCB, phụ thuộc vào biến động của lạm phát, trong khi chi đầu tư công cho cơ sở hạ tầng lại phụ thuộc vào tình trạng của nền kinh tế Việt Nam. Khi chi đầu tư công giảm do nền kinh tế suy thoái, chính sách chi tiêu của Chính phủ hoặc các nguyên nhân khác có thể gây ảnh hưởng không tốt đến tài chính và kết quả hoạt động của Công ty.

Rủi ro cạnh tranh: Lĩnh vực xây dựng ở Việt Nam cạnh tranh ở mức độ khá cao. Trong quá trình hoạt động kinh doanh Công ty không những phải cạnh tranh với các đơn vị xây dựng cơ sở hạ tầng trong nước như các Công ty thuộc các Tổng công ty lớn (như Tổng công ty Sông Đà, Tổng công ty xây dựng Thăng Long, Vinaconex,...) mà còn phải cạnh tranh với các nhà thầu xây dựng đến từ các nước như Nhật Bản, Trung Quốc – đây đều là cũng là những đối thủ cạnh tranh lớn trong lĩnh vực đầu tư xây dựng các công trình giao thông cơ sở hạ tầng. Mức độ cạnh tranh cao làm giảm tỉ suất lợi nhuận trong ngành và lợi nhuận của Công ty. Đặc biệt, năng lực của Công ty trong những năm qua ngày một giảm sút do chưa có kênh huy động vốn đầu tư hiệu quả nên khả năng cạnh tranh của Công ty rất thấp, từ năm 2007 đến nay Công ty chưa thắng thầu được dự án nào.

Rủi ro về vốn và thanh toán: Là doanh nghiệp hoạt động trong ngành xây lắp, các công trình hoàn thành thường bị chủ đầu tư chậm thanh toán, quyết toán vì nhiều lý do (hiện nay có những công trình Công ty thi công và hoàn thành từ trước khi cổ phần hóa vẫn chưa thanh quyết toán xong với chủ đầu tư), hệ quả là Công ty thường xuyên phải duy trì hệ số nợ ở mức cao với tỷ trọng nợ ngắn hạn là chủ yếu. Việc duy trì hệ số nợ cao cộng với việc bị chiếm dụng vốn dài ngày có thể sẽ gây ra rủi ro mất khả năng thanh toán khi Công ty không thu hồi được các khoản nợ do khách hàng của Công ty bị phá sản. Mặt khác Công ty vẫn phải thanh toán các khoản chi

phí để thanh quyết toán thu hồi vốn, chi phí trả lãi huy động vốn của các hoạt động kinh doanh trước đây.

Khả năng đảm bảo vốn tự có tối thiểu, các chỉ số tài chính hoặc các cam kết tài chính ở những dự án hạ tầng lớn có thể thay đổi. Mặc dù trong quá khứ Công ty đáp ứng được những yêu cầu này nhưng trong hiện tại và tương lai Công ty gặp nhiều khó khăn trong việc đảm bảo yêu cầu về vốn. Nếu không đáp ứng được các yêu cầu này, khả năng thắng thầu sẽ thấp làm ảnh hưởng đến tài chính và kết quả hoạt động của Công ty.

Rủi ro về nguyên vật liệu: Công ty hiện cũng đối mặt với rủi ro về sự biến động giá cả thị trường và nguồn cung cấp nguyên vật liệu không ổn định. Tình hình biến động giá cả và nguồn cung cấp các nguyên liệu đầu vào quan trọng của Công ty như nhựa đường, xăng dầu, sắt thép, cát, đá, sỏi, xi măng, ... đều ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về nhân sự: Trong những năm qua, nhu cầu về nhân sự lành nghề tăng nhanh bao gồm các kỹ sư công nhân xây dựng, các nhà quản lý ở những vị trí chủ chốt đòi hỏi năng lực, kinh nghiệm cao, sự cạnh tranh trong việc thu hút nhóm lao động này đang gia tăng nhanh chóng có thể gây ra những khó khăn nhất định cho Công ty, từ đó có thể làm suy giảm năng lực thực hiện các dự án hiện tại và các dự án tiềm năng trong tương lai.

Rủi ro trong lĩnh vực xuất khẩu lao động

Rủi ro về cạnh tranh: Hiện nay ở Việt Nam có khoảng 250 doanh nghiệp với hơn 700 đầu mối làm công tác xuất khẩu lao động, các doanh nghiệp này đang cạnh tranh công bằng với Công ty Cổ phần Traenco. Để có hợp đồng ngoại và lao động xuất theo hợp đồng, các doanh nghiệp không ngừng cạnh tranh với nhau rất khốc liệt. Ngoài cạnh tranh trong nước, các doanh nghiệp xuất khẩu lao động cũng phải cạnh tranh với doanh nghiệp các nước khác như Thái lan, Philipin, Trung quốc, Indonesia... đây là những nước có truyền thống và có chiến lược cạnh tranh rất bài bản từ nhiều năm trước khi Việt Nam tham gia vào thị trường XKLD. Đây là những yếu tố ảnh hưởng lớn đến hoạt động XKLD của Công ty.

Rủi ro về thị trường: Đối với thị trường trong nước, đa phần người lao động đi là việc tại nước ngoài có trình độ và văn hóa thấp, làm tăng chi phí đào tạo, chi phí quản lý lao động và đặc biệt là số lượng lao động phá vỡ hợp đồng và bỏ trốn ngày càng tăng dẫn đến nguy cơ doanh nghiệp bị thu hồi giấy phép xuất khẩu lao động.

Đối với thị trường ngoài nước: Số lượng lao động xuất đi phụ thuộc vào tình hình chính trị, kinh tế của từng nước và quan hệ ngoại giao của nước sở tại với nước ta. Nếu một trong các vấn đề trên có biến động xấu thì nguy cơ lao động về nước trước hợp đồng với số lượng lớn là không tránh khỏi, khi đó doanh nghiệp rất dễ bị phá sản (như thị trường Liban, Libi, Irac...).

4. Rủi ro của đợt chào bán

Đợt chào bán cổ phần của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm chính thức đấu giá, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như tính hấp dẫn cổ phần của Công ty cổ phần Traenco. Vì vậy, có thể có rủi ro không bán hết số cổ phần dự định chào bán. Tuy nhiên đợt chào bán cổ phần này của SCIC tại Công ty Cổ phần Traenco chỉ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu trong cơ cấu cổ đông mà không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty. Do đó, trong trường hợp đợt chào bán này nếu không thành công, hoạt động kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng.

5. Rủi ro khác

Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, hoạt động của Công ty cổ phần Traenco có thể chịu ảnh hưởng từ các yếu tố rủi ro khác mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lụt, hạn hán, dịch bệnh, động đất...), hoặc chiến tranh hoặc hỏa hoạn... Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ra không ít khó khăn và ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Traenco.

III. NHỮNG TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức chào bán cổ phần/ Chủ sở hữu vốn chuyển nhượng

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

Địa chỉ: Tầng 23, Tòa nhà Chamvit, số 117 Trần Duy Hưng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3824 0703 Fax: (84-24) 6278 0136

Ông: **Lê Song Lai** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số: **SS**/ĐTKDV-VPĐH ngày **03** Tháng 12 năm 2020 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước)

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Công bố thông tin này phản ánh chính xác, trung thực số liệu mà thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức phát hành/ Tổ chức có vốn nhà nước được chuyển nhượng

CÔNG TY CỔ PHẦN TRAENCO

Địa chỉ: Số 46 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 36250950 Fax: (84-24) 36250437

Ông: **Đặng Tử Hoàng** Chức vụ: Tổng Giám đốc

Chúng tôi xác nhận rằng SCIC là cổ đông có quyền sở hữu đầy đủ và hợp pháp đối với số cổ phần chào bán và đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý. Việc chào bán cổ phần này không phải là đợt chào bán để huy động vốn cho Công ty mà chỉ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu trong cơ cấu cổ đông và không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty.

3. Tổ chức tư vấn chào bán

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BOS

Địa chỉ: Tầng 25, Tòa nhà văn phòng 265 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3936 8366 Fax: (84-24) 3936 8377

Bà: **Nguyễn Quỳnh Anh** Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản công bố thông tin này do Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS soạn thảo phục vụ cho việc bán đấu giá cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần TRAENCO. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn các số liệu, ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý, cẩn trọng và phản ánh trung thực dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần TRAENCO cung cấp. Bản công bố thông tin này chỉ có giá trị để tham khảo, nhà đầu tư có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá thông tin của doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

29
C
T
T
N
H
O
N
T
T
A

IV. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Tổ chức thực hiện thoái : Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
vốn/SCIC

Tổ chức được thoái : Công ty Cổ phần TRAENCO
vốn/Công ty

Tổ chức tư vấn/BOS : Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS

Ban tổ chức đấu giá : Đại diện Công ty, đại diện tổ chức bán đấu giá được thành lập để
thực hiện việc bán đấu giá vốn của SCIC ra bên ngoài và các công
việc liên quan khác.

CTCP : Công ty Cổ phần

HĐQT : Hội đồng quản trị

BKS : Ban Kiểm soát

CP : Cổ phần

DHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông

LNST : Lợi nhuận sau thuế

Tổ chức bán đấu giá : Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS

SCIC : Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước

BCTC : Báo cáo tài chính

TSLĐ : Tài sản lưu động

HTK : Hàng tồn kho

SXKD : Sản xuất kinh doanh

TRAENCO : Công ty Cổ phần TRAENCO

V. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG

1. Tên chủ sở hữu vốn chuyển nhượng

- Tên Công ty : **Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước**
- Tên Tiếng Anh : State Capital Investment Corporation (SCIC)
- Tên viết tắt : SCIC
- Vốn điều lệ : 19.000.000.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận ĐKKD : 0101992921 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/07/2010, thay đổi lần thứ 6 ngày 13/05/2019
- Điện thoại : (84-24) 3824 0703
- Fax : (84-24) 6278 0136
- Website : www.scic.vn
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - Đầu tư và quản lý vốn đầu tư theo nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao;
 - Tiếp nhận và thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ;
 - Tiếp tục thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa, bán vốn Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp đã tiếp nhận theo quy định hiện hành;
 - Đầu tư và kinh doanh vốn vào ngành, lĩnh vực, dự án đem lại hiệu quả kinh tế theo quy định của pháp luật;
 - Cung cấp các dịch vụ tư vấn về đầu tư, tài chính, chuyển đổi, quản trị, mua, bán, sáp nhập doanh nghiệp và các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật và các ngành, nghề khác được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.
- Logo SCIC



2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) được thành lập theo Quyết định số 151/2005/QĐ-TT ngày 20/06/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

Với chức năng quản lý, đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước, sự ra đời của SCIC nằm trong tiến trình cải cách kinh tế nói chung và cải cách doanh nghiệp nhà nước nói riêng nhằm

nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhà nước. SCIC là đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại các doanh nghiệp, thực hiện đầu tư vào các ngành, lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế nhằm tăng cường vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trên cơ sở tôn trọng những nguyên tắc thị trường. SCIC được Chính phủ thành lập, là bước đi quan trọng trong tiến trình thúc đẩy sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp Nhà nước, tiến tới xóa bỏ can thiệp hành chính của các cơ quan Nhà nước vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Chính thức đi vào hoạt động từ tháng 8 năm 2006, SCIC quản lý danh mục đầu tư gồm các doanh nghiệp hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế như: Dịch vụ tài chính, năng lượng, công nghiệp, viễn thông, xây dựng, vận tải, hàng tiêu dùng, y tế, công nghệ thông tin ... SCIC được Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển sang mô hình công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 992/QĐ-TTg ngày 10/06/2010.

Ngày 01 tháng 11 năm 2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 151/2013/NĐ-CP về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của SCIC.

Ngày 25 tháng 12 năm 2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 147/2017/NĐ-CP về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 151/2013 và Nghị định số 148/2017/NĐ-CP về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước.

3. Mối quan hệ với Công ty có cổ phần được chào bán

SCIC là cổ đông Nhà nước và là cổ đông lớn tại Công ty Cổ phần TRAENCO.

4. Số cổ phần sở hữu

SCIC hiện đang sở hữu 321.638 cổ phiếu (*tính theo mệnh giá*), chiếm tỷ lệ 19,37% tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn thực góp trong vốn điều lệ.

VI. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CÓ VỐN NHÀ NƯỚC CHUYỂN NHƯỢNG

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Thông tin cơ bản

- Tên giao dịch : Công ty Cổ phần TRAENCO
- Tên tiếng anh : TRAENCO JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : TRAENCO.,JSC
- Trụ sở chính : Số 46, phố Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại : (84-24) 36250950
- Fax : (84-24) 36250437
- Website : www.traenco.com.vn

- **Vốn điều lệ** : 16.603.400.000 đồng (Mười sáu tỷ, sáu trăm linh ba triệu, bốn trăm ngàn đồng)
- **Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh** : Số 0100108617 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ tám theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100108617 ngày 04/6/2020 (số cũ: 0103010774 cấp lần đầu ngày 26 tháng 01 năm 2006)
- **Logo:**



Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, chi tiết: Xây dựng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, kết cấu bê tông đúc sẵn;
- Hoạt động tư vấn quản lý, chi tiết : Tư vấn đầu tư và xây dựng (không bao gồm tư vấn pháp luật); khảo sát trắc địa các công trình; khảo sát địa chất các công trình;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Thiết kế các công trình giao thông (cầu, đường bộ); tư vấn thí nghiệm vật liệu và chất lượng công trình; khảo sát trắc địa các công trình; khảo sát địa chất công trình;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động, chi tiết: Xuất khẩu lao động, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp xuất khẩu lao động.
- Giáo dục nghề nghiệp, chi tiết: Đào tạo ngoại ngữ, đào tạo các loại nghề (không bao gồm những ngành nghề có điều kiện), bổ túc nâng cao trình độ kỹ năng nghề, bồi dưỡng nghiệp vụ, giáo dục định hướng cho người lao động đi làm việc có thời hạn nước ngoài; đào tạo trình độ cao đẳng, đại học (chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép); đào tạo lái xe (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục, chi tiết: Tư vấn du học;
- Sản xuất mô tô, xe máy, chi tiết : Sản xuất, lắp ráp và đóng mới xe ô tô các loại, xe gắn máy hai bánh (không bao gồm thiết kế phương tiện vận tải) ;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị, chi tiết : Sửa chữa, tân trang máy móc thiết bị, phương tiện vận tải ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết: Dịch vụ vận tải hàng hóa – hành khách;

- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác, chi tiết: sản xuất kinh doanh phụ tùng, ô tô, xe máy.
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ, gốm, sứ, nông lâm thủy sản (Trừ loại lâm sản Nhà nước cấm);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết: Kinh doanh than
- Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp, chi tiết: Sản xuất và kinh doanh thuốc diệt các loại côn trùng (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị phương tiện vận tải, trang bị nội thất, hàng tiêu dùng (không bao gồm kinh doanh dược phẩm);
- Chuẩn bị mặt bằng, chi tiết: Bóc đất đá san lấp mặt bằng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, chi tiết: Khai thác chế biến khoáng sản (trừ loại khoáng sản nhà nước cấm);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết: Hoạt động dịch vụ hàng hải gồm: đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, vệ sinh tàu biển
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí, chi tiết: Tổ chức biểu diễn văn hóa nghệ thuật (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, giao thông (kể cả các công trình điện như đường dây, trạm, thủy điện); quan trắc biến dạng công trình xây dựng, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, giao thông, xây dựng các công trình hạ tầng;
- Xây dựng công trình công ích, chi tiết: Xây dựng các công trình điện dân dụng, điện công nghiệp, bưu chính viễn thông;
- Lắp đặt hệ thống điện, chi tiết: Lắp đặt tủ, bảng điện, trạm hợp bộ điện đến 35 KV
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu, chi tiết: Tư vấn, môi giới, đàm phán ký kết các hợp đồng kinh tế với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để quảng cáo trên sóng truyền hình toàn quốc (không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Sản xuất hóa chất cơ bản, chi tiết: Mua, bán và sản xuất hóa chất (trừ hóa chất nhà nước cấm);
- Đại lý, môi giới, đấu giá, chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại, chi tiết: Tổ chức các dịch vụ hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm (theo quy định hiện hành của nhà nước);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi, và điều hòa không khí, chi tiết: lắp đặt hệ thống cấp thoát nước;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

- Thoát nước và xử lý nước thải
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ bao gồm: Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi để xe đạp.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Traenco tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước với tên gọi Công ty Xây dựng và Thương mại – Bộ giao thông vận tải. Công ty Cổ phần Traenco được cổ phần hóa theo Quyết định số 2670/QĐ-BGTVT ngày 05/08/2005 của Bộ Giao thông vận tải; Công ty Cổ phần Traenco được thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0103010774 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26 tháng 01 năm 2006, thay đổi lần thứ tám theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100108617 ngày 04/6/2020

Các mốc thời gian quan trọng trong quá trình phát triển của Traenco

- ❖ Ngày 26 tháng 01 năm 2006 Công ty chuyển thành công ty cổ phần với Vốn điều lệ 16,603 tỷ đồng
- ❖ Ngày 30-12-2009 Công ty cổ phần Traenco trở thành Thành viên của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
- ❖ Ngày 17/3/2015 Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) đã chuyển nhượng 850.000 cổ phần tương ứng số tiền 8.500.000.000 VNĐ. Vốn đầu tư của SCIC còn lại là: 3.216.380.000 VNĐ (chiếm 19,37%).
- ❖ Ngày 12-6-2015 Công ty CP Traenco tổ chức thành công đại hội đồng cổ đông và bầu ra hội đồng quản trị mới nhiệm kỳ 2015-2020.
- ❖ Ngày 17/4/2017 Công ty thực hiện đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội trên thị trường UpCom.
- ❖ Ngày 20/5/2020 Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông hết nhiệm kỳ và bầu ra Hội đồng quản trị mới nhiệm kỳ 2020-2025

1.3. Định hướng phát triển

* Các mục tiêu chủ yếu của công ty.

- Mục tiêu chính của Công ty cổ phần TRAENCO là hoạt động kinh doanh phải ổn định, hiệu quả tăng dần. Doanh thu, lợi nhuận, cổ tức đi đôi với việc quản trị minh bạch, cấu trúc lại các chi phí với mục tiêu tiết kiệm và tối ưu hóa chi phí để đảm bảo lợi ích của cổ đông, chăm lo đời sống cho người lao động, thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ với nhà nước.

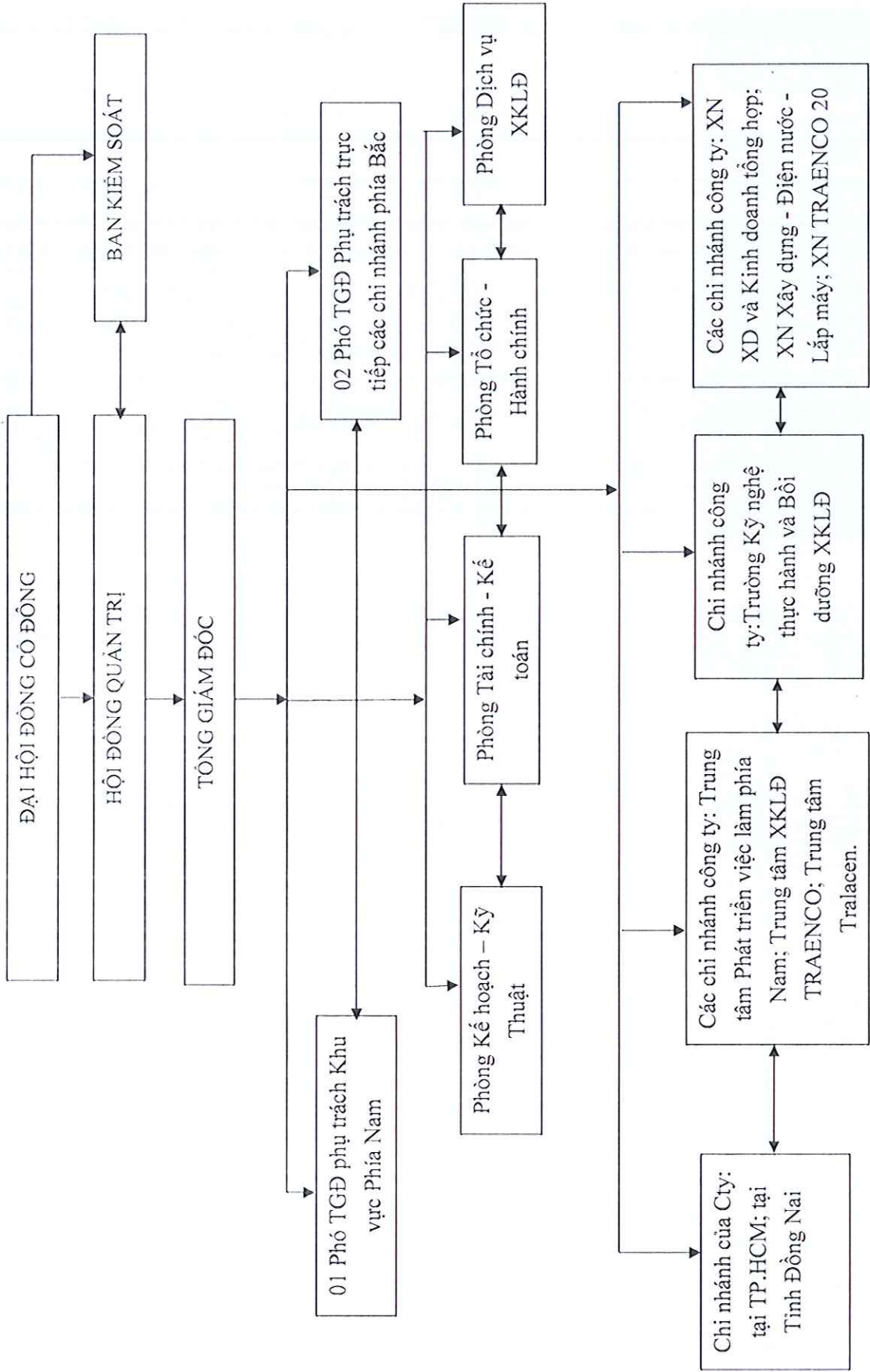
* Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tiếp tục duy trì và phát triển hai lĩnh vực kinh doanh chính là Xuất khẩu lao động và thi

công xây lắp.

- Tích cực thu hồi công nợ khách hàng, thu hồi vốn các công trình XD CB .
- Tích cực hoàn thiện sổ đỏ nhà đất của Công ty để tạo thêm nguồn vốn vay đầu tư cho các dự án thi công xây lắp.
- Lợi nhuận: Có tăng trưởng qua các năm và đảm bảo tỷ lệ chia cổ tức cho các cổ đông bình quân hàng năm tăng dần.
- Tăng cường đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp cho người lao động, có chính sách khen thưởng động viên kịp thời đối với các cá nhân tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- Tổ chức các hoạt động tập thể thường xuyên, tăng cường tinh thần đoàn kết trong tập thể cán bộ công nhân viên của công ty. Từng bước nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống cho người lao động yên tâm công tác.

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty



(Nguồn: Công ty Cổ phần TRAFENCO)

Đại hội đồng cổ đông: là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty và bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề trong các kỳ Đại hội đồng cổ đông: Thông qua sửa đổi bổ sung điều lệ, thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và của các kiểm toán viên, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã phát hành của mỗi loại và các quyền và nhiệm vụ khác theo điều lệ của Công ty.

Hội đồng Quản trị: gồm 05 thành viên, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền quản lý, chỉ đạo thực hiện các hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty trong phạm vi nhiệm vụ và có đầy đủ quyền hạn thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị có quyền và nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng Quản trị phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| STT | HỌ VÀ TÊN | CHỨC VỤ | GHI CHÚ |
|-----|------------------|----------------------------|---------------|
| 1 | Bùi Hồng Quân | Chủ tịch Hội đồng quản trị | |
| 2 | Nguyễn Hữu Điềm | Ủy viên | |
| 3 | Ngô Văn Long | Ủy viên | |
| 4 | Nguyễn Tiến Hùng | Ủy viên | |
| 5 | Vũ Thị Thu Hằng | Ủy viên | Đại diện SCIC |

Ban Kiểm soát: là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu bằng hình thức bỏ phiếu trực tiếp để thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban Kiểm soát gồm có 03 thành viên, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của Công ty.

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

| STT | HỌ VÀ TÊN | CHỨC VỤ | GHI CHÚ |
|-----|-----------------------|----------------------|---------|
| 1 | Nguyễn Thị Xuân Hương | Trưởng Ban Kiểm soát | |
| 2 | Nguyễn Thị Kim Lan | Kiểm soát viên | |

| | | | |
|---|----------------|----------------|--|
| 3 | Nguyễn Thị Hải | Kiểm soát viên | |
|---|----------------|----------------|--|

Ban Tổng Giám đốc: gồm 01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, số lượng Phó Tổng Giám đốc phụ thuộc theo nhu cầu về nhiệm vụ và công việc. Các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc có thể là thành viên Hội đồng Quản trị.

DANH SÁCH BAN GIÁM ĐỐC

| STT | BAN GIÁM ĐỐC | CHỨC VỤ |
|-----|---------------------|-------------------|
| 1 | Ông Đặng Từ Hoàng | Tổng Giám Đốc |
| 2 | Ông Ngô Văn Long | Phó tổng giám đốc |
| 3 | Ông Lưu Quốc Khánh | Phó Tổng giám đốc |
| 4 | Ông Nguyễn Văn Động | Phó Tổng giám đốc |

Các phòng ban: là những phòng ban trực tiếp điều hành công việc của Công ty theo chức năng chuyên môn và nhận sự chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc.

Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật:

Chức năng:

- Phòng Kế hoạch – Kỹ Thuật là phòng nghiệp vụ của Công ty, có chức năng tham mưu giúp việc Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành công tác Kế hoạch - Kỹ thuật trên các lĩnh vực sản xuất kinh doanh và các hoạt động sản xuất kinh doanh trong phạm vi toàn Công ty (trừ các hoạt động giao cho các phòng khác quản lý).
- Soạn thảo các văn bản quản lý có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của phòng trình lãnh đạo Công ty.

Nhiệm vụ:

- Xây dựng và quản lý công tác kế hoạch và kỹ thuật trong toàn Công ty, tham mưu xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện sản xuất kinh doanh theo từng tháng, quý, năm; tham mưu công tác mở rộng địa bàn hoạt động, ngành nghề sản xuất kinh doanh, về đầu tư đổi mới kỹ thuật, công nghệ.
- Có trách nhiệm soạn thảo và kiểm tra nội dung tất cả các văn bản quản lý liên quan đến chức năng của phòng, quản lý các văn bản pháp qui về sản xuất kinh doanh của Công ty. Tham mưu và quản lý các hợp đồng kinh tế, các biên bản thanh lý hợp đồng... giữa Công ty với khách hàng theo đúng pháp luật hiện hành.

- Chủ trì xây dựng phương án giao việc, khoán việc cho các đơn vị trực thuộc.
- Chủ trì phối hợp với các đơn vị trực thuộc làm việc và giải trình những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ với các đoàn thanh tra, kiểm tra... của các cơ quan, ban ngành của Nhà nước (khi có yêu cầu).
- Trực tiếp chỉ đạo đơn vị thi công lập và tổ chức thực hiện công việc theo biện pháp tổ chức thi công được Tổng Giám đốc duyệt.
- Lập và chỉ đạo các biện pháp xử lý các tình huống kỹ thuật phát sinh trong quá trình sản xuất; Xây dựng và chỉ đạo thực hiện các định mức chi phí sản xuất kinh doanh.
- Có trách nhiệm chỉ đạo và yêu cầu các đội thi công, Ban điều hành các dự án lập hồ sơ nghiệm thu thanh toán theo giai đoạn của từng dự án, hồ sơ hoàn công, hồ sơ quyết toán với chủ đầu tư và nội bộ toàn Công ty theo quy định. Khi cần thiết phòng Kế hoạch – Kỹ thuật cử cán bộ trực tiếp tham gia với đơn vị.
- Có trách nhiệm quản lý, lưu trữ toàn bộ hồ sơ pháp lý liên quan đến các công trình mà Công ty thực hiện. Hồ sơ bao gồm 01 bản gốc đầy đủ từ khi ký hợp đồng nhận công trình đến khi kết thúc bàn giao công trình hết bảo hành cho các bên liên quan. Hồ sơ được lưu trữ đến hết thời hạn lưu trữ theo quy định của pháp luật. (Bản gốc và Bản mềm).
- Thống kê, tổng hợp, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh (kể cả hoạt động phòng khác tham mưu) thường kỳ và đột xuất trình Tổng Giám đốc và các cơ quan có liên quan; Quản lý hồ sơ kỹ thuật trong toàn Công ty; Kiểm tra đánh giá các hồ sơ kỹ thuật trình Ban Tổng Giám đốc.
- Quản lý và xử lý các thông tin về các chính sách điều hành, quản lý của Nhà nước về dự án đầu tư trong lĩnh vực thuộc chức năng của phòng, hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát hoạt động nghiệp vụ của các đơn vị trực thuộc.
- Lập, quản lý và điều hành thực hiện các dự án đầu tư của Công ty; xây dựng cơ chế tìm kiếm việc làm; tổ chức, quản lý và điều hành công tác tìm kiếm việc làm; lập hồ sơ thầu và tham gia đấu thầu các dự án đầu tư.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư máy móc thiết bị thi công; Xây dựng và tổ chức thực hiện qui chế quản lý, bảo quản, sử dụng và khai thác máy móc thiết bị của Công ty đảm bảo đạt hiệu quả nhất. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Tổng Giám đốc.

Phòng Tài chính – Kế toán:

Chức năng:

- Phòng Tài chính – Kế toán là phòng nghiệp vụ của Công ty, có chức năng tham mưu,

giúp việc Tổng Giám đốc tổ chức, quản lý và điều hành công tác tài chính kế toán của Công ty theo quy định của pháp luật, điều lệ và quy chế quản lý của Công ty.

- Soạn thảo văn bản quản lý có liên quan đến chức năng, hoạt động của phòng trình lãnh đạo Công ty.

Nhiệm vụ:

- Quản lý tài chính, tài sản, ghi chép tính toán phản ánh số liệu hiện có, tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản vật tư, tiền vốn, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và sử dụng kinh phí của Công ty và các đơn vị trực thuộc.
- Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch thu chi tài chính; kiểm tra việc sử dụng và giữ gìn các loại tài sản, vật tư, tiền vốn; phát hiện và ngăn chặn kịp thời mọi hành vi tham ô, lãng phí, vi phạm chính sách chế độ quản lý kinh tế tài chính Nhà nước.
- Cung cấp các số liệu, tài liệu cho việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; Kiểm tra và phân tích hoạt động kinh tế, tài chính phục vụ công tác lập và theo dõi thực hiện kế hoạch, phục vụ cho công tác thống kê và thông tin kinh tế.
- Lập kế hoạch, dự án huy động vốn đầu tư, vốn lưu động, cân đối nhu cầu vốn; Chịu trách nhiệm huy động vốn thiếu, điều chỉnh vốn thừa để đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh không bị ách tắc bằng nhiều kênh khác nhau.
- Tổ chức và đơn đốc thu hồi công nợ; Tham mưu duyệt quyết toán chi phí cho các đơn vị trực thuộc. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Tổng Giám đốc.

| STT | KÊ TOÁN TRƯỞNG | CHỨC VỤ |
|-----|-------------------|----------------|
| 1 | Đình Thị Khánh Ly | Kế toán trưởng |

Phòng Tổ chức – Hành chính:

Chức năng:

- Phòng Tổ chức – Hành chính là phòng nghiệp vụ của Công ty có chức năng tham mưu, giúp việc Tổng Giám đốc quản lý và điều hành công tác: Tổ chức, cán bộ, lao động, tiền lương, hành chính quản trị, văn thư, lưu trữ, văn phòng Công ty, y tế, đào tạo, kinh doanh dịch vụ, chế độ chính sách đối với người lao động, công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, công tác đầu tư xây dựng cơ bản.
- Soạn thảo các văn bản quản lý có liên quan đến chức năng hoạt động của phòng trình lãnh đạo Công ty.

Nhiệm vụ:

- Tổ chức thực hiện quản lý và điều hành công tác tổ chức cán bộ, lao động, tiền lương; thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động, duy trì trật tự, kỷ luật lao động trong Công ty; chủ trì xây dựng nội quy, quy chế Công ty, công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật, thanh tra, kiểm tra và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo.
- Tổ chức thực hiện quản lý và điều hành công tác hành chính, quản trị, y tế và văn phòng Công ty; tổ chức công tác văn thư lưu trữ và bảo vệ bí mật Công ty.
- Tham mưu quản lý một số lĩnh vực: đào tạo, kinh doanh dịch vụ, quản lý đoàn ra, đoàn vào trong phạm vi Công ty.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Tổng Giám đốc.

Phòng Dịch vụ Xuất khẩu lao động:

Chức năng:

- Phòng Dịch vụ Xuất khẩu lao động là phòng nghiệp vụ của Công ty có chức năng tham mưu, giúp việc Tổng Giám đốc quản lý và điều hành công tác dịch vụ Xuất khẩu lao động: Thị trường, tuyển dụng, đào tạo, các nghiệp vụ liên quan đến việc đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; Công tác quản lý lao động và xử lý khiếu nại, khiếu kiện liên quan đến người lao động trong thời gian học tập trong nước và thời gian làm việc ở nước ngoài; Chấp hành các chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất của Tổng Giám đốc và các cơ quan quản lý Nhà nước về công tác Xuất khẩu lao động.
- Soạn thảo các văn bản quản lý có liên quan đến chức năng hoạt động của phòng trình lãnh đạo Công ty.

Nhiệm vụ:

- Tham mưu cho Tổng Giám đốc xây dựng các quy định quản lý; Phối hợp với phòng Tài chính – Kế toán xây dựng các quy định về tài chính trong công tác Xuất khẩu lao động.
- Phối hợp chặt chẽ với các phòng nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc giải quyết các phát sinh liên quan đến hoạt động Xuất khẩu lao động của Công ty và đảm bảo quyền lợi cho người lao động.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Tổng Giám đốc.

Các đơn vị trực thuộc công ty

| STT | Đơn vị | Địa chỉ |
|-----|--------------------------------------|--|
| 1 | Trung tâm Xuất khẩu Lao động Traenco | Số 405 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội |

| | | |
|---|--|---|
| 2 | Trung tâm Tralacen | Số nhà 52 khu 1 huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh |
| 3 | Trung tâm phát triển việc làm Phía Nam (Hiteco) | Số 23, Quách Văn Tuấn, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh |
| 4 | Chi nhánh Công ty Cổ phần Traenco (TP. Hà Nội) | Số 196/34, đường Cộng Hòa, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh |
| 5 | Xí nghiệp xây dựng và Kinh doanh Tổng hợp | Số 405 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội |
| 6 | Xí nghiệp Xây dựng Điện nước Lắp máy | Số 55 ngõ 455 đường Nguyễn Khang, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội |
| 7 | Trường kỹ nghệ thực hành và Bồi dưỡng Xuất khẩu Lao động | Số 407 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội |
| 8 | Chi nhánh Công ty Cổ phần Traenco tại Tỉnh Đồng Nai | Số 310/6 khu phố 7, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |
| 9 | Xí nghiệp Traenco 20 | Phòng 504 Nhà số 1 Ngách 9, Đền Tương Thuận, phố Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội |

3. Cơ cấu cổ đông

| STT | Cổ đông | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần nắm giữ (CP) | Tỷ lệ (%) |
|------------|---------------------------|------------------|-------------------------------|-------------|
| I | Cổ đông trong nước | 200 | 1.660.340 | 100% |
| 1 | Tổ chức | 1 | 321.638 | 19,37% |
| 2 | Cá nhân | 199 | 1.338.702 | 80,63% |
| II | Cổ đông nước ngoài | - | - | - |
| 1 | Tổ chức | - | - | - |
| 2 | Cá nhân | - | - | - |
| III | Cổ phiếu quỹ | - | - | - |

| | | | | |
|--|------------------|------------|------------------|-------------|
| | Tổng cộng | 200 | 1.660.340 | 100% |
|--|------------------|------------|------------------|-------------|

(Nguồn: Công ty Cổ phần TRAENCO)

4. Danh sách cổ đông sở hữu từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty

| STT | Tên cổ đông | Số ĐKSH | Số cổ phần | Tỷ lệ % |
|-----|--|--------------|------------|---------|
| 1 | Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước | 0101992921 | 321.638 | 19,37 |
| 2 | Nguyễn Hữu Điểm | 001061004511 | 142.192 | 8,56 |
| 3 | Bùi Hồng Quân | 011617733 | 286.000 | 17,23 |
| 4 | Nguyễn Tiến Hùng | 011788126 | 250.000 | 15,06 |
| 5 | Nguyễn Thị Hồng Chuyên | 042175000010 | 234.390 | 14,12 |

(Nguồn: Công ty Cổ phần TRAENCO)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty, những công ty mà Công ty đang giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối với Công ty:

- Danh sách công ty mẹ: Không có
- Danh sách những công ty con của Công ty: Không có
- Danh sách những công ty mà tổ chức chào bán nắm quyền chi phối đối với Tổ chức chào bán: Không có
- Danh sách công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức chào bán: Không có

6. Vị Thế của Công ty so với doanh nghiệp khác trong ngành.

6.1. Triển vọng phát triển của ngành

- Trong lĩnh vực xây dựng hạ tầng, thi công xây lắp, những năm gần đây Công ty Cổ phần Traenco bị hạn chế nhiều về năng lực đặc biệt là năng lực tài chính dẫn đến một số dự án thi công trì trệ, chậm tiến độ. Khả năng cạnh tranh giảm mặc dù Công ty đã có nhiều giải pháp nhằm nâng cao năng lực, nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường.

- Trong sản xuất kinh doanh, Công ty luôn lấy chất lượng sản phẩm, uy tín với khách hàng làm ưu tiên hàng đầu, coi đó là điều kiện tiên quyết để tồn tại và phát triển.

- Trong lĩnh vực xuất khẩu lao động, Công ty có chức năng hoạt động đưa lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài theo giấy phép số 862/LĐTĐBXH-GP ngày 15/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Công ty là một trong số những

doanh nghiệp xuất khẩu lao động có uy tín tại Việt Nam với các thị trường chủ yếu là: Đài Loan, Malaysia và Nhật Bản. Chất lượng lao động của Công ty luôn được bạn hàng đánh giá cao. Người lao động luôn được đảm bảo quyền lợi. Những năm qua Công ty đều được xếp trong danh sách các doanh nghiệp xuất khẩu lao động hàng đầu Việt Nam về số lượng xuất cảnh. Trong thời gian tới Công ty tiếp tục duy trì và phát triển những thành quả đạt được ở trên

6.2. Triển vọng công ty

Ngành xây dựng

- Trong những năm qua, Việt Nam được đánh giá là một trong những nền kinh tế tăng trưởng năng động nhất khu vực Châu Á – Thái Bình Dương cũng như trên thế giới với tốc độ tăng trưởng khá cao và ổn định. Song song với đó là quá trình đô thị hóa nhanh và mạnh, nhu cầu về xây dựng các công trình dân dụng cũng như công nghiệp rất lớn. Từ đó, thúc đẩy sự phát triển của ngành xây dựng bất động sản tại Việt Nam.

- Ngành xây dựng bất động sản cũng là một trong những ngành được Chính phủ ưu tiên phát triển. Mục tiêu của Chính phủ đến năm 2020 là phát triển ngành xây dựng bất động sản thành một ngành quan trọng của đất nước.

- Vì vậy, trong tương lai các doanh nghiệp hoạt động trong ngành xây dựng bất động sản nói chung và Công ty Cổ phần Traenco nói riêng sẽ có nhiều cơ hội để gia tăng doanh thu và lợi nhuận

Ngành xuất khẩu lao động

- Nhận định chung về thị trường XKLD năm 2019 Cục Quản lý Lao động ngoài nước cho biết một số thị trường truyền thống như Nhật Bản, Đài Loan, Ả Rập, CH Ship, Hàn Quốc,.... tiếp tục có nhu cầu cao trong việc tiếp nhận lao động nước ngoài, trong đó có lao động Việt Nam.

- Năm 2019 toàn Công ty xuất cảnh 2.018 lao động cho các thị trường Nhật Bản, Đài Loan, Ả Rập, CH Ship, Hàn Quốc đạt 105% so với kế hoạch cả năm (1.939 lao động) và đạt 89% so với thực hiện năm 2018 (2.272 lao động)

- Thị trường Nhật Bản là thị trường chính của Công ty, đây cũng là thị trường cho thu nhập ở mức khá cao, trung bình từ 12.000 đến 17.000 Yên/tháng. Vì vậy thị trường lao động Nhật Bản vẫn đang được các cấp quan tâm và thúc đẩy phát triển hợp tác mạnh mẽ nhất.

7. Chính sách lao động

7.1. Cơ cấu lao động

Tổng số lao động của Công ty đến thời điểm 01/06/2020 là 114 người.

| STT | Tiêu chí | Số lượng | Tỷ lệ % |
|------------|---|----------|---------|
| I | Phân loại theo lao động | | |
| 1 | Lao động trực tiếp | - | - |
| 2 | Lao động gián tiếp | 114 | 100 |
| II | Phân loại theo trình độ chuyên môn | | |
| 1 | Đại học và trên Đại học | 75 | 65,79 |
| 2 | Cao đẳng, Trung cấp | 16 | 14,04 |
| 3 | Đã qua đào tạo | 24 | 21,05 |
| 4 | Chưa qua đào tạo | - | - |
| III | Phân loại theo Giới tính | | |
| 1 | Nam | 61 | 53,51 |
| 2 | Nữ | 53 | 46,49 |

(Nguồn: Công ty CP TRAENCO)

7.2. Thu nhập bình quân

Đơn vị tính: triệu đồng/người/tháng

| Năm | 2017 | 2018 | 2019 |
|--------------------|------|------|------|
| Thu nhập bình quân | 7,5 | 7,5 | 7,5 |

(Nguồn: Công ty CP Traenco)

7.3. Chế độ làm việc và chính sách tiền lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi.

a. Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8 giờ mỗi ngày; 5 ngày mỗi tuần. Khi có yêu cầu về công việc thì cán bộ công nhân viên của Công ty có trách nhiệm và tự nguyện làm thêm giờ, Công ty có chính sách phù hợp để đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước với mức đãi ngộ thoả đáng.
- Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: Nhân viên được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Bộ Luật Lao động, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12

tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên sẽ được cộng thêm 01 ngày phép.

- Nghỉ ốm, thai sản: Công ty thực hiện thời gian nghỉ thai sản là 06 tháng và thực hiện thanh toán chế độ lương, ốm, thai sản theo quy định là 06 tháng, đây là phần BHXH trả thay lương.
- Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết cho cán bộ công nhân viên.

b. Chính sách tuyển dụng và đào tạo

- Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được lao động có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động của Công ty. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đưa ra những tiêu chuẩn riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như tốt nghiệp đại học chuyên ngành có trình độ chuyên môn cơ bản phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Công ty, nhiệt tình và ham học hỏi, yêu thích công việc và chủ động sáng tạo trong công việc. Đối với các vị trí quan trọng, việc tuyển dụng chặt chẽ hơn với các yêu cầu về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và tác nghiệp độc lập, trình độ về ngoại ngữ và tin học.
- Chính sách thu hút nhân tài: Công ty dành chính sách lương, thưởng và những chế độ đãi ngộ phù hợp cho các nhân viên giỏi, có trình độ học vấn cao và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan đến ngành nghề hoạt động của Công ty nhằm một mặt tạo tâm lý ổn định cho nhân viên và mặt khác để tập hợp, thu hút nguồn nhân lực giỏi về làm việc cho Công ty. Tuy nhiên mức lương thưởng và một số chế độ đãi ngộ khác chưa cao nên sức thu hút nhân tài còn hạn chế.
- Đào tạo: Công ty chú trọng việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và đa dạng nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên thông qua việc thường xuyên cử cán bộ tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.

c. Chính sách lương thưởng, phúc lợi

- Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. Cán bộ công nhân viên trong Công ty ngoài việc được hưởng lương tháng theo bậc lương cơ bản có thể được hưởng lương công việc theo năng suất và hiệu quả. Mức lương bình quân của các cán bộ công nhân viên là 7.500.000 đ/tháng.
- Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng năng suất lao động và hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng định kỳ

và thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể có những đóng góp thiết thực vào kết quả hoạt động chung.

- Bảo hiểm và phúc lợi: Công ty trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo đúng quy định của pháp luật.
- Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên: Công ty luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty hoạt động hiệu quả. Hàng năm cán bộ công nhân viên Công ty đều được hưởng chế độ vào các dịp lễ và tết.
- Đánh giá chung: Mặc dù Công ty đã cố gắng thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động, song do hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn nhiều khó khăn, lợi nhuận thực hiện thấp nên tiền lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác còn chưa cao so với mặt bằng chung trên địa bàn.

8. Báo cáo kết quả hoạt động của 02 năm gần nhất

Đơn vị: Đồng

| Chỉ tiêu | 2018 | 2019 | % tăng giảm | 6 tháng 2020 |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|-------------|-----------------|
| Tổng tài sản | 178.227.620.319 | 172.413.282.635 | -3,26 | 173.743.748.623 |
| Doanh thu thuần | 70.955.372.654 | 70.945.571.734 | -0,01 | 32.072.570.382 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 1.465.090.556 | 4.613.889.613 | 214,92 | 2.303.119.471 |
| Lợi nhuận khác | (862.679.343) | (56.223.641) | - | (13.873.771) |
| Lợi nhuận trước thuế | 602.411.213 | 4.557.665.972 | 656,57 | 2.289.245.700 |
| Lợi nhuận sau thuế | 312.143.151 | 3.646.132.778 | 1068,10 | 1.831.396.560 |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 0% | 0% | - | - |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, năm 2019, 06 tháng năm 2020 của Traenco)

Theo báo cáo tài chính của Công ty:

- Tổng tài sản của Công ty năm 2019 đạt 172.413.282.635 VND, giảm 5.814.337684 VND, tương đương giảm 3,26% so với năm 2018. Nguyên nhân giảm chủ yếu do giá trị các khoản thu ngắn hạn (Phải thu ngắn hạn của khách hàng và Phải thu ngắn hạn khác) giảm. Ngoài ra khoản mục Chi phí trả trước dài hạn giảm cũng góp phần làm Tổng tài sản năm 2019 giảm so với năm 2018.

- Công ty Cổ phần Traenco hoạt động kinh doanh chủ yếu trên các lĩnh vực chính là: (i) Xuất khẩu lao động, đào tạo nghề; (ii) Xây lắp; (iii) Kinh doanh vật tư hàng hóa. Doanh thu

xuất khẩu lao động chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu, chiếm tỷ trọng lần lượt là 81,28% và 71,72% tương ứng năm 2018, 2019.

BẢNG: CƠ CẤU DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| STT | Chi tiêu | Năm 2018 | Tỷ trọng (%) | Năm 2019 | Tỷ trọng (%) | % tăng,giảm 2019/2018 |
|-----|--|----------------|--------------|----------------|--------------|-----------------------|
| I | Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 70.955.372.654 | 100% | 70.945.571.734 | 100% | -0,01% |
| 1 | Doanh thu xây lắp | 192.750.769 | 0,27% | - | - | - |
| 2 | Doanh thu xuất khẩu lao động | 57.669.158.724 | 81,28% | 50.885.332.771 | 71,72% | -11,76% |
| 3 | Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | 13.093.463.161 | 18,45% | 20.060.238.963 | 28,28% | 53,21% |

(Nguồn: BCTC 2018, 2019 đã kiểm toán của Traenco)

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữ mức ổn định trong những năm gần đây, năm 2019 đạt 70.945.571.734 VND, giảm 0,01% so với năm 2018. Tuy nhiên cơ cấu doanh thu có sự thay đổi.

Năm 2019, Công ty không ghi nhận giá trị khoản mục Doanh thu xây lắp, trong khi đó năm 2018 Doanh thu xây lắp ghi nhận đạt 192.750.769 VND. Doanh thu xuất khẩu lao động năm 2019 đạt 50.885.332.771 VND, giảm 11,76% so với năm 2018. Doanh thu bán vật tư hàng hóa năm 2019 đạt 20.060.238.963 VND, tăng 53,21% so với năm 2018.

- Năm 2019, Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty tăng đột biến đạt 4.613.889.613 VND, tăng 214,92% so với năm 2018. Doanh thu và giá vốn hàng bán năm 2019 không thay đổi nhiều so với năm 2018, nhưng do Công ty đã thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp cắt giảm các khoản mục chi phí khiến lợi nhuận tăng mạnh.

BẢNG: CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2018 | Tỷ trọng % | Năm 2019 | Tỷ trọng % | % tăng giảm 2019/2018 |
|-----|------------------------------|-----------------------|----------------|-----------------------|----------------|-----------------------|
| 1 | Giá vốn hàng bán | 46.377.898.031 | 66,54% | 46.008.986.117 | 69,26% | -0,80% |
| 2 | Chi phí tài chính | 2.218.421.008 | 3,18% | 978.211.165 | 1,47% | -55,91% |
| 3 | Chi phí bán hàng | 1.316.081.539 | 1,89% | 2.186.219.913 | 3,29% | 66,12% |
| 4 | Chi phí Quản lý doanh nghiệp | 19.790.104.024 | 28,39% | 17.257.516.032 | 25,98% | -12,80% |
| | Tổng cộng | 69.702.504.602 | 100,00% | 66.430.933.227 | 100,00% | -4,69% |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018,2019 của Traenco)

Năm 2019, Trong bảng mục chi phí sản xuất kinh doanh, riêng chỉ có khoản mục Chi phí bán hàng tăng 66,12%, còn lại các khoản mục chi phí khác đều giảm. Giá vốn hàng bán năm 2019 là 46.008.986.117 VNĐ, giảm nhẹ 0,80% so với năm 2018. Chi phí tài chính là 978.211.165 VNĐ giảm 55,91%. Chi phí quản lý doanh nghiệp là 17.257.516.032 VNĐ, giảm 12,08% so với năm 2018. Tổng hợp lại, mặc dù chi phí bán hàng tăng, nhưng do Chi phí quản lý doanh nghiệp, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí, giảm mạnh cộng với chi phí tài chính giảm dẫn đến kết quả Tổng chi phí năm 2019 giảm 4,69% so với năm 2018.

- Do công ty ghi nhận khoản lỗ lũy kế của những năm trước nên lợi nhuận của năm 2018, 2019 không chia cổ tức, để bù đắp khoản lỗ lũy kế, tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức là 0%.

9. Tình hình tài chính

9.1. Trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt, chạy thử.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo quy định của Bộ Tài chính.

| | |
|----------------------------|-----------|
| Nhà xưởng và vật kiến trúc | 05-15 năm |
| Máy móc và thiết bị | 05-10 năm |
| Thiết bị văn phòng | 03-10 năm |
| Phương tiện vận tải | 06-10 năm |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019)

BẢNG : TÌNH HÌNH TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2019

| Chi tiết | Nguyên giá | Khấu hao lũy kế | Giá trị còn lại |
|--------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Tài sản cố định hữu hình | 8.595.163.504 | 6.242.472.891 | 2.352.690.613 |
| Nhà cửa vật kiến trúc | 3.604.805.709 | 1.504.805.703 | 2.100.000.006 |
| Máy móc và thiết bị | 888.863.571 | 888.863.571 | - |
| Phương tiện vận tải | 3.527.020.564 | 3.527.020.564 | - |
| Thiết bị văn phòng | 574.473.660 | 321.783.053 | 252.690.607 |
| TSCĐ khác | - | - | - |
| Tài sản cố định vô hình | - | - | - |
| Tổng | 8.595.163.504 | 6.242.472.891 | 2.352.690.613 |

9.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Công ty có các khoản nợ đến hạn chưa trả như: khoản nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hà nội II, nợ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đô, nợ thuế và nợ các chủ đầu tư, một số khách hàng theo bản án.....

CHI TIẾT MỘT SỐ KHOẢN NỢ QUÁ HẠN ĐẾN NGÀY 31/12/2019

| STT | Chi tiết một số khoản nợ quá hạn | Số tiền (đồng) |
|-----|---|-------------------|
| 1 | Nợ cổ tức SCIC. | 856.038.900 |
| 2 | Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Hà nội II | 5.871.079.232 |
| 3 | Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đô | 10.934.780.868 |
| 4 | Nợ vay vốn các cá nhân | 3.202.899.961 |
| 5 | Ban QLDA đầu tư xây dựng và mở rộng Láng Hòa Lạc | 6.808.837.118 |
| 6 | Công ty cổ phần Cảng Khuyến Lương | 979.670.332 |
| 7 | Công ty xây dựng Vạn Cường | 176.711.623 |
| 8 | Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn | 228.970.000 |
| 9 | | |

(Nguồn: CTCP Traenco)

- Theo văn bản xác nhận công nợ từ Công ty, đến ngày 30/11/2020, Công ty đã xác nhận nợ phải trả SCIC là 856.038.900 đồng.

Nhà đầu tư trúng đấu giá có trách nhiệm đơn độc Công ty CP Traenco thanh toán công nợ cho SCIC

- Về công nợ với Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (Quỹ), SCIC theo dõi công nợ lãi chậm trả đến ngày 31/12/2017 là 25.495.797 đồng. Theo thông tin từ Công ty, ngày 09/01/2019, Công ty đã thanh toán nợ lãi chậm trả với Quỹ số tiền là 25.878.149 đồng.

a) Các khoản phải nộp theo luật định

Trong quá trình hoạt động kinh doanh Công ty luôn cố gắng thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nộp thuế và các khoản phải nộp khác theo luật định, tuy nhiên Công ty còn nợ các khoản thuế, cụ thể:

CHI TIẾT CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: đồng

| STT | Chi tiết | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 31/12/2019 |
|-----------|-------------------------------|----------------------|----------------------|
| I. | Thuế phải nộp nhà nước | 4.959.906.809 | 4.782.135.126 |
| 1 | Thuế Thu nhập doanh nghiệp | 292.807.767 | 814.072.899 |
| 2 | Thuế Giá trị gia tăng | 1.320.936.172 | 895.260.036 |

| STT | Chi tiết | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 31/12/2019 |
|-----|-----------------------|---------------------|---------------------|
| 3 | Thuế Thu nhập cá nhân | 99.467.931 | 59.874.463 |
| 4 | Các loại thuế khác | 2.075.566.180 | 2.075.566.180 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019)

b) Trích lập các quỹ theo quy định.

Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động, kết thúc niên độ kế toán, căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo quy định.

SỐ DƯ CÁC QUỸ CỦA CÔNG TY GIAI ĐOẠN 2018-2019

Đơn vị tính: đồng

| TT | Chỉ tiêu | 31/12/2018 | 31/12/2019 |
|----|------------------------|------------------|-----------------|
| 1 | Quỹ đầu tư phát triển | 1.530.839.797 | 1.530.839.797 |
| 2 | Quỹ dự phòng tài chính | - | - |
| 3 | Lợi nhuận chưa PP | (10.403.785.632) | (6.575.652.854) |
| 4 | Quỹ khen thưởng, PL | (326.903.988) | (326.903.988) |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019)

c) Tình hình công nợ

➤ **Các khoản phải thu:**

CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA CÔNG TY GIAI ĐOẠN 2018-2019

Đơn vị tính: đồng

| TT | Chỉ tiêu | 31/12/2018 | 31/12/2019 |
|------------------|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| I | Phải thu ngắn hạn | 99.004.114.144 | 93.792.423.819 |
| 1 | Phải thu khách hàng | 40.712.371.275 | 36.885.230.159 |
| 2 | Trả trước cho người bán | 34.314.192.396 | 34.377.732.596 |
| 3 | Phải thu nội bộ ngắn hạn | - | - |
| 3 | Các khoản phải thu khác | 24.373.960.635 | 22.926.171.226 |
| 4 | Dự phòng phải thu ngắn hạn | (396.710.162) | (396.710.162) |
| II | Phải thu dài hạn | - | - |
| Tổng cộng | | 99.004.114.144 | 93.792.423.819 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019)

Trong các khoản phải thu trên: có những khoản phải thu nhưng không có khả năng thu do đối tác bị phá sản hoặc bỏ trốn (Công ty đã phải nhờ đến các cơ quan chức năng nhưng vẫn chưa giải quyết được) hoặc đang thụ lý án trong trại giam, và không có đầy đủ hồ sơ theo quy định những khoản này chưa đủ điều kiện để hạch toán nợ khó đòi.

➤ Các khoản phải trả:

CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA CÔNG TY GIAI ĐOẠN 2018-2019

Đơn vị tính: đồng

| TT | Chỉ tiêu | 31/12/2018 | 31/12/2019 |
|-----------|-----------------------------------|------------------------|------------------------|
| I | Nợ ngắn hạn | 160.744.786.354 | 154.329.378.437 |
| 1 | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 8.953.323.892 | 6.771.033.892 |
| 2 | Phải trả cho người bán | 76.872.729.167 | 78.511.568.510 |
| 3 | Người mua trả tiền trước | 898.654.572 | 672.154.572 |
| 4 | Thuế và các khoản phải nộp NN | 3.788.778.050 | 3.844.773.578 |
| 5 | Phải trả người lao động | 2.099.747.282 | 2.712.400.413 |
| 6 | Chi phí phải trả | 5.190.325.535 | 4.571.768.982 |
| 7 | Phải trả nội bộ | - | - |
| 8 | Doanh thu chưa thực hiện | 1.308.026.701 | - |
| 9 | Phải trả, phải nộp khác | 61.960.105.143 | 57.572.582.478 |
| 10 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | (326.903.988) | (326.903.988) |
| II | Nợ dài hạn | 9.696.558.780 | 6.651.496.235 |
| 1 | Phải trả dài hạn khác | 122.949.750 | - |
| 2 | Doanh thu chưa thực hiện | 9.573.609.030 | 6.651.496.235 |
| | Tổng cộng | 170.441.345.134 | 160.980.874.672 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019)

9.3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu | ĐVT | 2018 | 2019 |
|---|-----|------|------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) | Lần | 1,07 | 1,09 |
| Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn | Lần | 0,74 | 0,74 |

| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
|---|------|-------|-------|
| Hệ số Nợ/ Tổng tài sản | % | 95,63 | 93,37 |
| Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu | Lần | 21,89 | 14,08 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân) | Vòng | 0,80 | 0,86 |
| Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân | Vòng | 0,39 | 0,40 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | % | 0,44 | 5,14 |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu | % | 4,01 | 31,89 |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản | % | 0,18 | 2,11 |
| Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần | % | 2,06 | 6,50 |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Traenco)

10. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát

10.1. Hội đồng quản trị

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị:

- Họ và tên: **Bùi Hồng Quân**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 07/02/1971
- Số CMND: 011617733 Ngày cấp: 02/06/2008 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: P209 nhà K, TT Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Ngoại thương
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó giám đốc Công ty TNHH SXTM & DV Hoàng Minh
- Số cổ phần nắm giữ: 286.000 cổ phần chiếm 17,23% vốn điều lệ

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 286.000 cổ phần chiếm 17,23% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

b) Thành viên Hội đồng quản trị:

- Họ và tên: **Ngô Văn Long**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 24/6/1958
- Số CMND: 011180351 Ngày cấp: 19/6/2006 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 100 Nguyễn Thái Học, TP Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên HĐQT, Ủy viên BCH, Phó Tổng Giám đốc, kiêm giám đốc CN Công ty Cổ phần Traenco – Trung tâm phát triển việc làm phía Nam HITECO.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 32.200 cổ phần chiếm 1,94% vốn điều lệ
Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 32.200 cổ phần chiếm 1,94% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

c) Thành viên Hội đồng quản trị:

- Họ và tên: **Nguyễn Hữu Diễm**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 05/03/1961
- Số CMND: 0010610045114, Ngày cấp: 15/10/2015, Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 2 Khu TT Binh đoàn 12, Tổ dân phố Ngọc Đại, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội.
- Trình độ văn hóa: Sau đại học
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 142.192 cổ phần chiếm 8,56% vốn điều lệ
Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 142.192 cổ phần chiếm 8,56% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

d) Thành viên Hội đồng quản trị:

- Họ và tên: **Nguyễn Tiến Hùng**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 10/06/1976
- Số CMND: 037076000681 Ngày cấp: 08/06/2016 Nơi cấp: C.A Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 1086 Phố La Thành, Ngọc Khánh, Hà Nội.
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Khoa học
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Tuyển dụng Chi nhánh Công ty Cổ phần TRAENCO - Trung tâm PTVL phía nam HITECO.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 250.000 cổ phần chiếm 15,06% vốn điều lệ
Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 250.000 cổ phần chiếm 15,06% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

e) Thành viên hội đồng quản trị:

- Họ và tên: **Vũ Thị Thu Hằng**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 14/12/1981
- Số CMND: 125051624 Ngày cấp: 14/08/2006 Nơi cấp: C.A tỉnh Bắc Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: T1-1818 Times City, 458 Minh Khai, Q.Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội.
- Trình độ văn hóa: Đại học

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Kế toán kiểm toán
Cử nhân tiếng anh.
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 321.638 cổ phần chiếm 19,37% vốn điều lệ
Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
+ Đại diện sở hữu: 321.638 cổ phần chiếm 19,37% vốn điều lệ
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

10.2. Ban Kiểm soát

a) Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Xuân Hương**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 11/01/1960
- Nơi sinh: Bệnh viện Bạch Mai
- Số CMND: 011211589 Ngày cấp: 19/11/2004 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Lô 13, Nhà 36, Đền Lừ 1, P Hoàng Văn Thụ, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế tài chính
- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Traenco
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 82.970 cổ phần, chiếm 5% vốn điều lệ
Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 82.970 cổ phần, chiếm 5% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Quá trình công tác:

b) Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Hải**

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 22/08/1981
- Nơi sinh: Hà Nội
- Số CMND: 111510249 Ngày cấp: 23/04/2009 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Đội 2 Bích Hòa, Thanh Oai, Hà Nội.
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 533 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ
- Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 533 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

c) Thành viên Ban kiểm soát.

- Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Lan
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 19/11/1957
- Nơi sinh: Hà Nội
- Số CMND: 001157010350 Ngày cấp: 05/01/2018 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 161 Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội.
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 2.300 cổ phần, chiếm 0,14% vốn điều lệ

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 2.300 cổ phần, chiếm 0,14% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

10.3. Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

a) Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **Đặng Tử Hoàng**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 02/12/1961
- Số CMND: 140687534 Ngày cấp 31/7/2007 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 162 Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, Q.Đống Đa, TP Hà nội
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Tổng Giám đốc Công ty, kiêm Giám đốc chi nhánh Công ty – Trung tâm Xuất khẩu lao động Traenco.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 2.300 cổ phần , chiếm 0,14% vốn điều lệ
Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 2.300 cổ phần, chiếm 0,14% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

b) Phó Tổng Giám đốc – Ông Ngô Văn Long

Xem thông tin tại mục 10.1.b

c) Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **Lưu Quốc Khánh**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 24/7/1978
- Số CMND: 001078007152 Ngày cấp: 06/10/2015 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: Tổ 1 Bằng A – Hoàng Liệt – Hoàng Mai – Hà nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Traenco kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Traenco – Trung tâm Tralacen
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

d) Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **Nguyễn Văn Động**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 02/06/1983
- Số CMND: 142028171 Ngày cấp: 12/08/2013 Nơi cấp: CA Hải Dương.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: An Khánh – Hoài Đức – Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Traenco
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

10.4. Danh sách Ban quản lý

a) **Tổng Giám đốc – Ông Đặng Tử Hoàng**

Xem chi tiết tại mục 10.3.a

b) **Kế Toán trưởng**

- Họ và tên: Đinh Thị Khánh Ly
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 04/12/1986
- Số CMND: 037186002139 Ngày cấp: 15/6/2017 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL về Cư trú và dân cư
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú:
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 043.625 1454
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Kế toán trưởng
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 1000 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ
Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 1000 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

11. Kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh, Công ty đặt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Thực hiện 2019 | Kế hoạch 2020 | KH 2020/2019 |
|------------|---------------------------------|-------------------|------------------|-----------------|
| I | Tổng doanh thu | 70.945 | 52.000 | 72,96% |
| 1 | Hoạt động sản xuất xây lắp | 0 | 0 | - |
| 2 | Kinh doanh XKLD | 50.885 | 41.891 | 73,01% |
| 3 | Kinh doanh khác | 20.060 | 10.109 | 74,50% |
| II | Lợi nhuận trước thuế | 4.558 | 3.500 | 76,79% |
| III | Nộp ngân sách nhà nước | 2.062 | 2.000 | 96,99% |
| IV | Thu nhập bình quân tháng | 7,5 | 7,5 | 100,00% |

(Nguồn: Công ty Cổ Phần Traenco)

Để thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 nêu trên, ngoài những tồn tại năm trước cần khắc phục, Công ty đề ra một số mục tiêu và giải pháp chủ yếu cần thực hiện là:

Mục tiêu:

- Hoạt động kinh doanh phải ổn định, hiệu quả tăng dần. Doanh thu, lợi nhuận, cổ tức đi đôi với việc quản trị minh bạch, cấu trúc lại các chi phí với mục tiêu tiết kiệm và tối ưu hóa chi phí để đảm bảo hài hòa lợi ích của cổ đông, chăm lo đời sống cho người lao động, thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ với nhà nước.

Những giải pháp chủ yếu:

*** Đối với hoạt động kinh doanh XKLD:**

- Tăng cường, nâng cao công tác đào tạo ngoại ngữ và bồi dưỡng, giáo dục định hướng đối với lao động đi làm việc ở tất cả các thị trường nhằm giảm thiểu lao động bỏ trốn ra ngoài hợp đồng, tránh tỷ lệ lao động bỏ trốn vượt quy định 5% so với số lao động xuất cảnh của thị trường Nhật Bản; Đồng thời giảm thiểu tình trạng lao động xin về nước trước hạn ở tất cả các thị trường.
- Đẩy mạnh công tác tạo nguồn lao động bằng các kênh thông tin tại tất cả các thị trường đang triển khai, hướng tới chất lượng lao động.
- Nâng cao chất lượng cán bộ làm công tác xuất khẩu lao động; Chuyên môn hóa nghiệp vụ từng bộ phận; Đẩy mạnh đội ngũ nhân viên đối ngoại.
- Tìm kiếm, lựa chọn, thẩm định kỹ các đơn hàng và đối tác nước ngoài.
- Phối hợp chặt chẽ giữa văn phòng Công ty và các đơn vị làm XKLD trực thuộc. Kịp thời phổ biến, cập nhật các quy định mới và hướng dẫn thực hiện trong công tác XKLD do các cơ quan chức năng ban hành.

*** Hoạt động sản xuất xây lắp:**

- Trong những năm qua Công ty không đủ năng lực tài chính để tham gia đấu thầu và thực hiện hoạt động xây lắp, hiện tại công ty chỉ tập trung giải quyết các tồn tại công nợ của các công trình xây lắp dở dang thi công đã lâu nhưng chưa được Chủ đầu tư phê duyệt quyết toán.

*** Đối với hoạt động kinh doanh vật tư, hàng hóa và kinh doanh khác:**

- Khai thác tốt hơn tiềm năng lợi thế để hoàn thành kế hoạch đề ra, chú trọng hơn về chất lượng kinh doanh.

*** Các vấn đề khác :**

- Ban thu hồi công nợ phối hợp với các phòng ban chức năng rà soát các khoản nợ đòi được, nợ khó đòi, nợ không đòi được để xây dựng kế hoạch, phương án cụ thể thu hồi

công nợ, thu hồi vốn các công trình XD/CB, các khoản nợ cá nhân và khách hàng đồng thời xây dựng kế hoạch trả nợ và giải pháp giải quyết các tồn tại.

- Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất Hội đồng quản trị về biện pháp xử lý các đầu mối, các đơn vị trực thuộc hoạt động không hiệu quả hoặc phát sinh lỗ như Xí nghiệp điện nước - lắp máy, Xí nghiệp Kinh doanh tổng hợp .v.v.

12. Công ty đang sử dụng và quản lý những mảnh đất sau

| STT | Địa chỉ | Diện tích (m ²) | Hồ sơ pháp lý, nguồn gốc nhà đất | Hiện trạng sử dụng đất |
|-----|---|-----------------------------|---|--|
| 1 | Số 403 đường Giải Phóng | 45,5m ² | Tài sản Ngân sách cấp tại Biên bản bàn giao tài sản 16/10/1992 (Hiện tại, Bộ GTVT cho mượn sử dụng) | Làm văn phòng CN Công ty – Trung tâm XK/LĐ Traenco, nhà 03 tầng |
| 2 | Số 405 đường Giải Phóng | 49,94m ² | Bộ GTVT giao cho quản lý sử dụng tại Biên bản bàn giao tài sản 18/01/1997 (Hiện tại, Bộ GTVT cho mượn sử dụng) | |
| 3 | Số 407 đường Giải Phóng | 710m ² | Bộ GTVT giao cho quản lý sử dụng tầng 1 nhà tập thể 5 tầng tại Biên bản bàn giao tài sản ngày 12 tháng 10 năm 1991 (Hiện tại, Bộ GTVT cho mượn sử dụng) | Toàn bộ tầng 1 thuộc khu nhà tập thể 5 tầng. Hiện CTCP Traenco Việt Nam mượn làm văn phòng |
| 4 | Số 46 Võ Thị Sáu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội | 103,348m ² | Nhà mua lại của 02 Hộ gia đình (Hiện không có GCN quyền sử dụng đất do vướng mắc về hồ sơ xin cấp GCN quyền sử dụng đất) | Làm trụ sở chính công ty, nhà 05 tầng |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Traenco)

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty: Không có
14. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng vốn: Không có

VII. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

1. Tên cổ phần chào bán : Công ty Cổ phần TRAENCO
2. Loại cổ phần chào bán : Cổ phần phổ thông
3. Mệnh giá : 10.000 đồng/ cổ phiếu
4. Tổng số lượng cổ phần dự kiến chuyển nhượng : 321.638 cổ phần (chiếm tỷ lệ 19,37% tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn thực góp trong vốn điều lệ).
5. Giá khởi điểm đấu giá : 10.000 đồng/cổ phần
 - (i) Căn cứ Chứng thư Thẩm định giá số: V20109/CT-BTCVALUE ngày 25 tháng 09 năm 2020 của Công ty CP Thẩm định giá BTCvalue (BTCvalue) là đơn vị chức năng Thẩm định giá được Bộ tài chính cấp giấy phép về việc thẩm định giá trị cổ phần của SCIC Tại Công ty Cổ phần Traenco
 - (ii) Căn cứ Quyết định số: 460/QĐ-ĐTKDV ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) phê duyệt phương án bán cổ phần của SCIC tại Công ty cổ phần Traenco
 - (iii) Căn cứ Quyết định số: 468/QĐ-ĐTKDV ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) phê duyệt giá khởi điểm để bán cổ phần của SCIC tại Công ty cổ phần Traenco
7. Phương thức chuyển nhượng vốn : Đấu giá công khai cả lô
8. Tổ chức thực hiện đấu giá cổ phần : Công ty Cổ phần chứng khoán BOS
9. Thời gian thực hiện chuyển nhượng vốn: : Dự kiến Quý IV/2020

10. Thời gian đăng ký mua cổ phần dự kiến : Được quy định cụ thể tại Quy chế đấu giá

11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Tỷ lệ nắm giữ đối với cổ đông nước ngoài tuân theo quy định hiện hành tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư 123/2015/TT- BTC ngày 19/8/2015 của Bộ tài chính quy định về hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty hiện nay chưa có quy định cụ thể về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần của Công ty. Đến thời điểm hiện tại, Công ty không có nhà đầu tư nước ngoài.

Do đó, nhà đầu tư nước ngoài được tham gia đấu giá trọn lô số cổ phần của Công ty Cổ phần Traenco.

12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng vốn: Không có

13. Các loại thuế có liên quan

13.1. Các loại thuế liên quan tới tổ chức có cổ phiếu được chuyển nhượng

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp:** Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty là 20%. Nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước được Công ty thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Các nghĩa vụ khác như: phải trả người bán, phải trả công nhân viên, phải trả bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, phải trả phải nộp khác được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ.

- **Thuế giá trị gia tăng (GTGT):** Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

13.2. Các loại thuế liên quan tới hoạt động giao dịch chứng khoán

- **Đối với nhà đầu tư cá nhân:** Theo Luật Thuế Thu nhập Cá nhân số 04/2007/QH12, ban hành ngày 21/11/2007 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009, Luật số 26/2012/QH13 ngày 22/11/2012 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân ngày 22 tháng 11 thì: Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: Thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- ❖ Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
- ❖ Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:
- ✓ Trường hợp có nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn

phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.

- ✓ Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.
- ✓ Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

- Đối với nhà đầu tư tổ chức:

Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau: Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất. Trong đó:

- ❖ Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán.
- ❖ Thuế suất = Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp của tổ chức đầu tư.

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau: Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.

14. Địa điểm công bố thông tin

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)

Địa chỉ: Tầng 23, Tòa nhà Chamvit, số 117 Trần Duy Hưng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3824 0703 Fax: (84-24) 6278 0136

Công ty Cổ phần TRAENCO

Địa chỉ: Số 46 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 36250950 Fax: (84-24) 36250437

Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS

Địa chỉ: Tầng 25, Tòa nhà văn phòng 265 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3936 8366 Fax: (84-24) 3936 8377

VIII. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

Mục đích của việc chào bán cổ phần nhằm cơ cấu danh mục đầu tư theo chủ trương thoái vốn đầu tư của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp không

cần giữ cổ phần. Việc chuyển nhượng cổ phần chỉ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu trong cơ cấu cổ đông mà không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty.

IX. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)

Địa chỉ: Tầng 23, Tòa nhà Chamvit, số 117 Trần Duy Hưng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3824 0703 Fax: (84-24) 6278 0136

Công ty có vốn của doanh nghiệp nhà nước chuyển nhượng

Công ty Cổ phần TRAENCO

Địa chỉ: Số 46 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 36250950 (84-24) 36250437

Tổ chức thẩm định giá

Công ty Cổ phần thẩm định giá BTCValue

Địa chỉ: 93 Khúc Thừa Dụ, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84.24) 2246 6968 Fax: (84.24) 6269 8559

Tổ chức tư vấn chuyển nhượng vốn và tổ chức đấu giá chuyển nhượng vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS

Địa chỉ: Tầng 25, Tòa nhà văn phòng 265 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3936 8366 Fax: (84-24) 3936 8377

X. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG

XI. THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin được cung cấp nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá chung về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trước khi đăng ký mua cổ phần. Tuy nhiên, do đợt chào bán này không phải là đợt phát hành/chào bán cổ phiếu của doanh nghiệp để huy động vốn trên thị trường sơ cấp nên Bản công bố thông tin này được chúng tôi xây dựng với khả năng và nỗ lực cao nhất từ các nguồn đáng tin cậy như đã trình bày và mong muốn công bố/thông báo tới Nhà đầu tư về tình hình doanh nghiệp và các thông tin liên quan đến doanh nghiệp.

Bản công bố thông tin này không bảo đảm rằng đã chứa đựng đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và chúng tôi cũng không thực hiện phân tích, đưa ra bất kỳ ý kiến đánh giá nào với hàm ý đảm bảo giá trị của cổ phiếu. Do đó, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư trước khi tham gia đấu giá cần tìm hiểu thêm thông tin về doanh nghiệp, bao gồm nhưng không giới hạn như

Điều lệ doanh nghiệp, các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết Hội đồng quản trị, các Báo cáo của Ban Kiểm soát, các Báo cáo tài chính, Báo cáo kiểm toán, tình hình doanh nghiệp, Báo cáo thường niên ... cũng như bảo đảm rằng việc đăng ký mua hay thực hiện giao dịch là đúng thẩm quyền, tuân thủ các quy định về công bố thông tin, giao dịch của cổ đông lớn, người nội bộ, giới hạn tỷ lệ sở hữu, được thanh toán bằng nguồn tiền hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Ngoài ra, nhà đầu tư có trách nhiệm tìm hiểu và thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại Luật Cảnh tranh 2018 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2019 và Nghị định 35/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật Cảnh tranh có hiệu lực từ ngày 24/03/2020 và các văn bản có liên quan để hoàn tất các nghĩa vụ phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Nhà đầu tư tham gia đấu giá mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

TP. Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2020.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC**



**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CỔ VỐN NHÀ NƯỚC ĐƯỢC CHUYỂN NHƯỢNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TRAENCO**



**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BOS**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quỳnh Anh